|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH  KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  **BỘ MÔN: CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM** |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tổng quát về học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên học phần** | **Tiếng Việt: LẬP TRÌNH HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG Tiếng Anh: OBJECT ORIENTED PROGRAMMING** | | | | **Mã HP: 122003** |
| Số tín chỉ | **3** (2, 1, 3) | | | | |
| Số tiết | LT | BT | TH | Tổng | Tự học |
| 30 | - | 30 | 60 | 90 |
| Đánh giá học phần | Quá trình: 40% | | | | Thi cuối kỳ: 60% |
| Thang điểm | 10 | | | |  |
| Môn tiên quyết |  | | | |  |
| Môn học trước | - Kỹ thuật lập trình | | | | MS: 124001 |
| Môn song hành | - | | | | MS: |

*Ghi chú:*

*- Từ viết tắt: LT: lý thuyết; BT: bài tập; TH thực hành, thí nghiệm, thảo luận; BTN: bài tập nhóm.*

*- Giờ lý thuyết: 1 tín chỉ = 15 tiết (LT&BT); giờ TH: 1 tín chỉ = 30 tiết; 1TC tự học tối thiểu là 30 giờ.*

**2. Mô tả học phần**

Học phần này là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp lập trình hướng đối tượng, một phương pháp rất phổ biến hiện nay. Học phần cũng định hướng cho sinh viên trong việc thiết kế một chương trình theo phương pháp hướng đối tượng, sử dụng các khái niệm như kiểu dữ liệu trừu tượng, nguyên tắc kế thừa trong việc phát triển các kiểu dữ liệu, và tính đa hình,… Đây là học phần đóng vai trò trang bị kiến thức cơ sở, nền tảng cho sinh viên, bổ trợ cho các môn học khác như lập trình Java, phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng phần mềm hướng đối tượng,...

**3. Tài liệu học tập**

**3.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| I | **Tài liệu chính** | | | |
| 1 | Lê Đăng Hưng, Tạ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Thanh Thủy | 1999 | Lập trình hướng đối tượng với C++ | NXB Khoa học và kỹ thuật |
| II | **Tài liệu tham khảo** | | | |
| 2 | Bruce Eckel | 2000 | Thinking in C++, Second Edition, Volume one: Introduction to standard C++ | Prentice Hall PTR |
| 3 | Cay Horstmainn, Timothy Budd | 2009 | Big C++ | Willey Plus |

**3.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**4. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **[1]** | **Mô tả**  **[2]** *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT [3]** |
| CO1 | Giải thích các khái niệm liên quan đến lập trình hướng đối tượng | PLO2 |
| CO2 | Vận dụng các ưu điểm của lập trình hướng đối tượng để xây dựng các chương trình đạt được tính tổng quát, dễ mở rộng nâng cấp và dễ tái sử dụng. | PLO2  PLO5 |
| CO3 | Tự học tập, tích lũy và cập nhật kiến thức theo xu thế phát triển của lĩnh vực | PLO7 |
|  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra học phần**

| **Mục tiêu HP**  **[1]** | **CĐR HP [2]** | **Mô tả CĐR**  **[3]** | **Chuẩn đầu ra CTĐT [4]** |
| --- | --- | --- | --- |
| CO1 | CLO1.1 | Giải thích những khái niệm, thuật ngữ, và các vấn đề trọng tâm trong lập trình hướng đối tượng. | PI2.1 |
| CLO1.2 | Phân tích và thiết kế theo mô hình hóa đối tượng | PI2.1  PI2.2 |
| CLO1.3 | Ứng dụng khuôn mẫu trong lập trình tổng quát | PI2.2 |
| CO2 | CLO2.1 | Áp dụng ngôn ngữ đặc tả UML và các lược đồ trong phân tích và thiết kế | PI2.2 |
| CLO2.2 | Triển khai lập trình hướng đối tượng với một ngôn ngữ lập trình cụ thể (C++/Java) | PI2.1 |
| CO3 | CLO3.1 | Thể hiện thói quen tự học | PI7.1 |
| CLO3.2 | Làm việc độc lập hoặc theo nhóm với các hoạt động và hình thức được qui định | PI7.2 |

Ma trận năng lực tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | **PLO1** | **PLO2** | | | | **PLO3** | | | | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | | | **PLO7** | |
| **PI1.1** | **PI2.1** | **PI2.2** | **PI2.3** | **PI2.4** | **PI3.1** | **PI3.2** | **PI3.3** | **PI3.4** | **PI4.1** | **PI5.1** | **PI6.1** | **PI6.2** | **PI6.3** | **PI7.1** | **PI7.2** |
| **CLO1.1** |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO1.2** |  | 2 | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO1.3** |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO2.1** |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO2.2** |  |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO3.1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **CLO3.2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Giá trị lớn nhất của năng lực** |  | **3** | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **2** |

**6. Hướng dẫn cách học, chi tiết cách đánh giá môn học**

Cách học:

* Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% số tiết của học phần;
* Làm và nộp các bài tập;
* Tự nghiên cứu các vấn đề được giao ở nhà hoặc thư viện;
* Thực hiện đầy đủ các phần thuyết trình của nhóm;
* Tham dự thi kết thúc học phần.

Điểm tổng kết môn học được đánh giá xuyên suốt quá trình học, gồm 2 cột điểm: điểm quá trình (40%) và điểm thi cuối kỳ (60%). Điểm đánh giá chi tiết như sau:

| **Thành phần đánh giá**  **[1]** | **Dạng bài đánh giá**  **[2]** | **Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)**  **[3]** | **Hình thức đánh giá**  **[4]** | **Tiêu chí đánh giá**  **[5]** | **Trọng số**  **[6]** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá quá trình | Chuyên cần | CLO3.2 | Điểm danh hoặc căn cứ vào số bài tập đã nộp | A1.1 | 5% |
| Bài tập thực hành | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | Các bài tập lập trình | A1.2 | 20% |
| Kiểm tra giữa kỳ | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3 | Trắc nghiệm + Bài tập lập trình | A1.3 | 15% |
| Đánh giá cuối kỳ | Thi trắc nghiệm | CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | Trắc nghiệm | A2.1 | 60% |

Ma trận thống kê số lượng câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thể hiện trong bảng dưới

| **Phần - Chương** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** | **Bậc 4** | **Bậc 5** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương 1.Giới thiệu | 10 | 10 |  |  |  |
| Chương 2. Lớp và đối tượng |  |  | 7 |  |  |
| Chương 3. Quá tải toán tử |  |  | 6 |  |  |
| Chương 4. Thừa kế |  |  |  | 22 |  |
| Chương 5. Đa hình |  |  |  | 24 |  |
| Chương 6. Khuôn mẫu và thư viện khuôn mẫu chuẩn |  |  |  | 20 |  |
| **TỔNG** | **10** | **10** | **13** | **68** |  |

**Rubric A1.1: Chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Thời gian tham dự đầy đủ | Vắng từ 40% số tiết trở lên | Vắng không quá 40% số tiết | Vắng không quá 20% số tiết | Vắng không quá 10% số tiết | Không vắng buổi nào | 100% |

**Rubric A1.2: Bài tập thực hành**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Thái độ tham dự tích cực | Thực hiện từ dưới 40 số bài tập | Thực hiện từ 40-54% số bài tập | Thực hiện từ 55-69% số bài tập | Thực hiện từ 70-84% số bài tập | Thực hiện từ 85% số bài tập trở lên | 30% |
| Chất lượng bài nộp | Hoàn thành đúng dưới 39% yêu cầu | Hoàn thành đúng từ 40-54% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 55-69% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 70-84% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng 85% yêu cầu trở lên | 70% |

**Rubric A1.3: Kiểm tra giữa kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Giải quyết bài toán bằng lập trình | Hoàn thành đúng dưới 39% yêu cầu | Hoàn thành đúng từ 40-54% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 55-69% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 70-84% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng 85% yêu cầu trở lên | 50% |
| Trả lời đúng câu hỏi trắc nghiệm | Hoàn thành đúng dưới 39% yêu cầu | Hoàn thành đúng từ 40-54% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 55-69% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 70-84% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng 85% yêu cầu trở lên | 50% |

**Rubric A2.1: Trắc nghiệm cuối kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Số câu trả lời đúng | Hoàn thành đúng dưới 39% yêu cầu | Hoàn thành đúng từ 40-54% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 55-69% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng từ 70-84% yêu cầu trở lên | Hoàn thành đúng 85% yêu cầu trở lên | 100% |

**7. Dự kiến danh sách cán bộ tham gia giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **[1]** | **Họ và tên**  **[2]** | **Email**  **[3]** | **Đơn vị công tác**  **[4]** |
|  | TS. Lê Văn Quốc Anh | anh@ut.edu.vn | Khoa CNTT - UT |
|  | TS. Vũ Đình Long | long.vu@ut.edu.vn | Khoa CNTT - UT |
|  | ThS. Trần Thị Mỹ Tiên | tien.tran@ut.edu.vn | Khoa CNTT - UT |

**8. Phân bố thời gian chi tiết**

| **Nội dung** | **PP giảng dạy** | **Phân bổ số tiết cho hình thức dạy - học** | | | | **Tổng số tiết trên lớp** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | | **TH** | **Tự học (giờ)** |
| **LT** | **BT** |
| **Phần** | | | | | | |
| **Chương 1: Giới thiệu** | Phương pháp dạy học tích cực | 4 |  | 4 | 12 | **8** |
| 1.1 Sự tiến hóa của các phương pháp lập trình  1.2 Các đặc trưng cơ bản của lập trình hướng đối tượng  1.3 Các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng |  |  |  |  |  |
| **Chương 2: Lớp và đối tượng** | Phương pháp dạy học tích cực | 6 |  | 6 | 18 | **12** |
| 2.1 Kiểu dữ liệu trừu tượng  2.2 Lớp  2.3 Đối tượng  2.4 Ngôn ngữ UML  2.5 Các loại phương thức của lớp  2.6 Thành phần tĩnh (static)  2.7 Thành phần hằng (const)  2.8 Con trỏ this  2.9 Hàm bạn, lớp bạn |  |  |  |  |  |
| **Chương 3: Quá tải toán tử** | Phương pháp dạy học tích cực | 5 |  | 5 | 15 | **10** |
| 3.1 Giới thiệu  3.2 Quá tải toán tử trong một số ngôn ngữ lập trình.  3.3 Hạn chế của quá tải toán tử  3.4 Cài đặt quá tải toán tử  3.5 Các ví dụ |  |  |  |  |  |
| **Chương 4: Thừa kế** | PP dạy học định hướng giải quyết vấn đề | 5 |  | 5 | 15 | **10** |
| 4.1 Dẫn nhập  4.2 Thừa kế trong một số ngôn ngữ lập trình  4.3 Phạm vi truy cập  4.4 Sự tương hợp kiểu  4.5 Định nghĩa các hàm thành viên trong lớp dẫn xuất |  |  |  |  |  |
| **Chương 5: Đa hình** | PP dạy học định hướng giải quyết vấn đề | 5 |  | 5 | 15 | **10** |
| 5.1 Dẫn nhập  5.2 Các ví dụ  5.3 Kết gán sớm, kết gán muộn  5.4 Phương thức ảo  5.5 Destructor ảo  5.6 Lớp trừu tượng |  |  |  |  |  |
| **Chương 6 – Khuôn mẫu** | PP dạy học định hướng giải quyết vấn đề | 5 |  | 5 | 15 | **10** |
| 6.1 Dẫn nhập  6.2 Khuôn mẫu hàm  6.3 Khuôn mẫu lớp  6.4 Friend của khuôn mẫu  6.5 Các thành phần của thư viện khuôn mẫu chuẩn |  |  |  |  |  |

**9. Nội dung chi tiết**

| **Tuần/ Chương** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra chi tiết** | **Hoạt động dạy và học** | **Dạng bài đánh giá** | **Tài liệu học tập** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1  Chương 1 -  Giới thiệu | * 1. Sự tiến hóa của các phương pháp lập trình   2. Các đặc trưng cơ bản của lập trình hướng đối tượng   3. Các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng | CLO1.1  CLO1.2 | **Giảng viên:**  - Giới thiệu thông tin về Giảng viên.  - Các vấn đề liên quan đến môn học.  - Cách thức dạy và học  - Giới thiệu lướt qua đề cương môn học.  - Nhắc gợi nhớ lại các phương pháp lập trình đã học.  - Giảng các slide giới thiệu phương pháp lập trình hướng đối tượng, các đặc trưng của và ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng  **Sinh viên:**  - Thảo luận về các nội dung của bài giảng.  - Thảo luận, so sánh, đánh giá về các phương pháp lập trình. | **A1.1**  **A1.2** |  |
| Tuần  2 - 5  Chương 2 - Lớp và đối tượng | 1. Kiểu dữ liệu trừu tượng 2. Lớp 3. Đối tượng 4. Ngôn ngữ UML 5. Các loại phương thức của lớp 6. Thành phần tĩnh (static) 7. Thành phần hằng (const) 8. Con trỏ this 9. Hàm bạn, lớp bạn | L.O.2.2  L.O.2.3  L.O.2.4  L.O.2.5  L.O.3.1  L.O.3.2  L.O.3.3 | **Giảng viên:**  - Giảng các slide về xây dựng lớp, khai báo và sử dụng đối tượng.  - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành.  **Sinh viên:**  - Thảo luận về nội dung bài giảng.  - Làm các bài tập, bài thực hành tại lớp. | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3**  **A2.1** | . |
| Tuần  6 - 7  Chương 3 - Quá tải toán tử | 1. Giới thiệu 2. Quá tải toán tử trong một số ngôn ngữ lập trình. 3. Hạn chế của quá tải toán tử 4. Cài đặt quá tải toán tử 5. Các ví dụ | L.O.3.2 | **Giảng viên:**  - Giảng các slide về quá tải toán tử  - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành.  **Sinh viên:**  - Thảo luận về nội dung bài giảng.  - Làm các bài tập, bài thực hành tại lớp.  - Làm bài kiểm tra tại lớp | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3**  **A2.1** |  |
| Tuần  8 - 9  Chương 4 – Thừa kế | 1. Dẫn nhập 2. Thừa kế trong một số ngôn ngữ lập trình 3. Phạm vi truy cập 4. Sự tương hợp kiểu 5. Định nghĩa các hàm thành viên trong lớp dẫn xuất | L.O.3.1  L.O.3.3 | **Giảng viên:**  - Giảng các slide về thừa kế  - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành.  **Sinh viên:**  - Thảo luận về nội dung bài giảng.  - Làm các bài tập, bài thực hành tại lớp. | **A1.1**  **A1.2**  **A1.3**  **A2.1** |  |
| Tuần  10 - 11  Chương 5 - Đa hình | 1. Dẫn nhập 2. Các ví dụ 3. Kết gán sớm, kết gán muộn 4. Phương thức ảo 5. Destructor ảo 6. Lớp trừu tượng | L.O.3.1  L.O.3.2  L.O.3.3 | **Giảng viên:**  - Giảng các slide về tính đa hình  - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành.  **Sinh viên:**  - Thảo luận về nội dung bài giảng.  - Làm các bài tập, bài thực hành tại lớp.  - Làm bài kiểm tra tại lớp. | **A1.1**  **A1.2**  **A2.1** |  |
| Tuần  12 - 14  Chương 6 - Khuôn mẫu | * 1. Dẫn nhập   2. Khuôn mẫu hàm   3. Khuôn mẫu lớp   4. Friend của khuôn mẫu   5. Các thành phần của thư viện khuôn mẫu chuẩn | L.O.4.1  L.O.4.2 | **Giảng viên:**  - Giảng các slide về khuôn mẫu  - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành.  Hướng dẫn sinh viên thực hiện mini-project.  **Sinh viên:**  - Thảo luận về nội dung bài giảng.  - Làm các bài tập, bài thực hành tại lớp.  Thực hiện mini-project theo nhóm. |  |  |
| Tuần 15 | Ôn tập |  | **Giảng viên:**  - Ôn tập các nội dung quan trọng và giải đáp các thắc mắc của sinh viên.  - Tổng kết và thông báo điểm quá trình cho sinh viên.  **Sinh viên:**  - Báo cáo mini-project theo nhóm. | **A1.1**  **A1.2**  **A2.1** |  |

**10. Hướng dẫn tự học**

| **Tuần / Chương** | **Nội dung** | **CLOs** | **Hoạt động tự học** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần 1/ Chương 1** | Tổng quan về lập trình hướng đối tượng | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3 | * Đọc tài liệu của chương * Liên hệ các kiến thức đã học * Cài đạt và làm quen với môi trường lập trình (C++/Java) |
| **Tuần 2-5/ Chương 2** | Lớp và đối tượng | CLO1.1  CLO1.2 | * Đọc tài liệu của chương * Liên hệ các vấn đề liên quan trong thực tế * Làm các bài tập thực hành trên trang khóa học |
| **Tuần 6-7/ Chương 3** | Quá tải toán tử | CLO1.2 | * Đọc tài liệu của chương * Làm các bài tập về nhà * Làm các bài tập thực hành trên trang khóa học |
| **Tuần 8-9/ Chương 4** | Thừa kế | CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | * Đọc tài liệu của chương * Làm các bài tập về nhà * Làm các bài tập thực hành trên trang khóa học |
| **Tuần 10-11/ Chương 5** | Đa hình | CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | * Đọc tài liệu của chương * Làm các bài tập về nhà * Làm các bài tập thực hành trên trang khóa học |
| **Tuần 12-14/**  **Chương 6** | Khuôn mẫu và thư viện khuôn mẫu chuẩn | CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | * Đọc tài liệu của chương * Làm các bài tập về nhà * Làm các bài tập thực hành trên trang khóa học |

**11. Hướng dẫn thực hiện**

- Phạm vi áp dụng: đối với tất cả các hình thức đào tạo tại trường ĐH GTVT TP. HCM.

- Giảng viên: Thực hiện theo đề cương đã được phê duyệt.

- Sinh viên: Thực hiện theo đề cương đã được phê duyệt.

Đề cương chi tiết học phần được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Văn Quốc Anh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Lê Văn Quốc Anh** | **CB LẬP ĐỀ CƯƠNG**  **TS. Lê Văn Quốc Anh** |

**Người rà soát: Nguyễn Hữu Hiệp**

**CÂU HỎI TỰ HỌC, ÔN TẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

1. Nội dung câu hỏi. (Phần x – Chương y)